

dụng hoặc cho người thứ ba, đó là khi TA tự mình áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; TA áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác với biện pháp khẩn cấp tạm thời mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu hoặc kiến nghị của VK hoặc TA áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của cá nhân, tổ chức hoặc kiến nghị của VKS. Theo chúng tôi nên bổ sung thêm trách nhiệm của TA do không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi có yêu cầu mà yêu cầu đó là đúng pháp luật và nếu áp dụng yêu cầu đó thì sẽ không làm thiệt hại quyền lợi cho người có yêu cầu hoặc cho người thứ ba. Đồng thời bổ sung thêm quy định trách nhiệm của TA do áp dụng chậm hoặc không kịp thời biện pháp khẩn cấp tạm thời dẫn đến thiệt hại cho người có yêu cầu hoặc cho người thứ ba.

3. Về hiệu lực của quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời

Khoản 2 Điều 122 của Dự thảo quy định: Tòa án phải cấp hoặc gửi ngay quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời ngay sau khi ra quyết định cho người có yêu cầu, người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cá nhân, tổ chức có liên quan và VKS cùng cấp. Về vấn đề này trên thực tế cũng có thể xảy ra khả năng là ngay trước thời điểm nhận được quyết định của TA về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì cá nhân hoặc tổ chức đã chuyển dịch tài sản hoặc tẩu tán tài sản... Do đó nên chăng ngay tại thời điểm có yêu cầu và trong khi cân nhắc hoặc xem xét có áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì đồng thời TA cũng phải có văn bản yêu cầu cá nhân hoặc tổ chức tạm thời không được làm một việc gì đó ví dụ như không được xác nhận hay chuyển dịch tài sản để chờ TA xem xét áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tránh trường hợp khi cá nhân hoặc tổ chức nhận được quyết định của TA thì đã chuyển dịch hay xác nhận cho chuyển dịch hoặc đã kịp thời tẩu tán tài sản rồi ■



Hàng điện tử nhập lậu

Ảnh GIANG HUY

CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN

Qua tổng kết hàng năm về công tác xét xử của Tòa án các cấp cho thấy, còn nhiều vụ án, tòa phải gửi trả hồ sơ VKS để nghị điều tra bổ sung vì lý do chưa đủ hoặc thiếu chứng cứ quan trọng. Vẫn còn những vụ xét xử oan sai, bỏ lọt tội phạm, hình phạt nhẹ hơn so với mức độ phạm tội... từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ việc thu thập, xác minh, đánh giá chứng cứ.

CHỨNG CỨ TRONG HÌNH SỰ

Trong giai đoạn hiện nay, khi tình hình tội phạm hình sự ngày càng gia tăng về tính chất, mức độ, thì việc phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội không những là nguyên tắc của tố tụng hình sự, mà còn được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) các cấp.

Để xác định sự thật của vụ án hình sự một cách khách quan, toàn diện, từ những quy định của pháp luật và qua thực tế xét xử cho thấy "chứng cứ" có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng, "là căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án". Với các vụ án có tính chất, mức độ phức tạp cho thấy kẻ phạm tội

thường dùng những thủ đoạn tinh vi xảo quyệt nhằm trốn tránh sự trừng trị của pháp luật, không những trong khi thực hiện hành vi phạm tội mà ngay cả khi đã bị phát hiện, phải đối diện trước mặt các cơ quan tiến hành tố tụng bọn chúng vẫn thường tỏ ra ngoan cố, tìm mọi cách để chối tội, phủ nhận hành vi phạm tội của mình... và chỉ chịu nhận tội khi các cơ quan THTT đưa ra các bằng chứng, chứng cứ không thể chối cãi. Như vậy chứng cứ giữ vai trò không thể thiếu trong vụ án, các cơ quan THTT sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn trong những vụ án khi không thu thập được, hoặc bị can, bị cáo cố tình tiêu hủy chứng cứ.

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật TTHS, ngoài CQĐT, VKS, TA là những cơ quan có trách nhiệm thu thập chứng cứ của vụ án, thì "Cơ quan, tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đều có thể đưa ra tài liệu, đồ vật

và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án" (khoản 2 Điều 49 BLT-THS), nên để có thể đưa ra được các tài liệu, đồ vật thì rất có thể phải trải qua quá trình thu thập. Nhưng không phải tất cả các sản phẩm thu thập được đều được coi là chứng cứ, mà chỉ những gì có thật, đảm bảo được tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp, phải được thu thập theo trình tự do luật định mới được coi là chứng cứ. Trong TTHS, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan THTT, trong đó trách nhiệm điều tra thu thập chứng cứ chủ yếu thuộc về các cơ quan THTT, trong đó trách nhiệm điều tra thu thập chứng cứ chủ yếu thuộc về CQĐT. Trong hồ sơ vụ án mà CQĐT chuyển tới, khi nhận thấy chưa có những chứng cứ quan trọng hoặc chưa đầy đủ, thì VKS được quyền trả lại, yêu cầu điều tra bổ sung; hoặc thậm chí khi VKS truy tố Tòa án vẫn có quyền trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung nếu nhận thấy chưa đủ hoặc thiếu những chứng cứ quan trọng làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Thực tế trong công tác xét xử hiện nay cho thấy, đã có không ít những vụ án mà VKS, TA phải trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung về chứng cứ hoặc thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà VKS hoặc TA không thể tự mình bổ sung được, đây là vấn đề cần được quan tâm. Trong hoạt động xét xử đã có những trường hợp tòa đã tuyên không phạm tội, trái ngược với quyết định truy tố của VKS vì không đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Nhiều vụ án với tính chất không thuộc trường hợp quá phức tạp, nhưng từ việc thu thập thiếu, hoặc đánh giá, xác minh sai chứng cứ, thời gian điều tra quá dài thuộc trường hợp phức tạp nhưng vẫn phải tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án. Hoặc cũng đã có những trường hợp xét xử oan sai, bỏ lọt tội phạm, hình phạt nhẹ hơn hành vi và tính chất, mức độ phạm tội... cũng từ lý do chứng cứ thu thập được quá ít, việc xác minh, đánh giá lại không được chính xác.

CHỨNG CỨ TRONG DÂN SỰ

Trong các vụ án DS, với tính chất của vụ việc thường phức tạp, do đó chứng cứ lại càng phải được coi trọng. Nếu Tòa án chỉ căn cứ từ những chứng cứ mà các đương sự

cung cấp, xem nhẹ công tác xác minh, đánh giá, thì trong xét xử sẽ không đảm bảo tính khách quan cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng... Hiện nay án DS tồn đọng khá nhiều, nhất là trong lĩnh vực thừa kế, tranh chấp đất đai, nhà cửa... nhiều vụ phải xét xử nhiều lần, nhiều cấp, mà vẫn không giải quyết được dứt điểm, dẫn đến tình trạng khiếu kiện lung tung; có từ nhiều lý do, trong đó cũng không thể không nói đến nguyên nhân chính và phổ biến từ công tác thu thập, xác minh, đánh giá chứng cứ.

Từ việc thụ lý cũng như trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy, do tính chất của vụ án dân sự là sự tranh chấp, là yêu cầu hay phản đối yêu cầu giữa các bên đương sự, nên luật quy định họ có nghĩa vụ phải cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu hay phản đối yêu cầu của mình, (trách nhiệm đưa ra chứng cứ để chứng minh thuộc về đương sự); vì thế nhiều đương sự đã cố tình tạo ra những chứng cứ giả mạo, hay cố tình che giấu hoặc tiêu hủy những chứng cứ bất lợi cho mình... hiện nay những trường hợp này, có chăng chỉ là thua kiện mà chưa phải chịu trách nhiệm về những hành vi đó.

CHỨNG CỨ TRONG DỰ THẢO BỘ LUẬT TTDS:

Trong dự thảo BLTTDS Điều 83 (Giao nộp chứng cứ) khoản 1 quy định: "Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ cho Tòa án. Nếu đương sự không nộp hoặc nộp không đầy đủ thì phải chịu hậu quả của việc không nộp hoặc không nộp đầy đủ đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Từ việc lấy ý kiến nhân dân trong dự thảo Bộ luật TTDS, người viết bài này xin được có một số ý kiến về vấn đề này như sau:

Tại điều khoản này, nên chăng chỉ cần quy định nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của đương sự là đủ, vì họ có cung cấp chứng cứ thì tòa mới có cơ sở để thụ lý. Mặt khác, nếu đã có quyền đó họ có thể thực hiện hoặc không và như vậy nghĩa vụ phải thực hiện sẽ bị hạn chế; còn nếu quy định cả quyền và nghĩa vụ thì sẽ hợp lý hơn khi quy định: "...đương sự có

nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và có quyền yêu cầu Tòa án xem xét chứng cứ đó...". Ngoài ra họ sẽ "phải chịu trách nhiệm trước những chứng cứ đã đưa ra". Với những "trường hợp pháp luật có quy định khác", không thấy có sự viện dẫn cho quy định khác này thuộc về những điều, khoản nào của Bộ luật. Như vậy sẽ lại phải có văn bản hướng dẫn cụ thể. Hơn nữa, khoản 2 Điều 84 dự thảo cũng quy định: "...đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ và có yêu cầu thì Thẩm phán có thể tiến hành...". Phải chăng đây là cơ sở của những trường hợp khác của Điều 83. Sẽ hợp lý hơn nếu quy định "...Thẩm phán phải tiến hành..." vì sẽ có trường hợp đương sự không thể thu thập được vì những chứng cứ đó nằm trong các cơ quan nhà nước (ví dụ như Ngân hàng). Để có sự thống nhất giữa các điều, khoản và hợp lý hơn khi quy định những trường hợp khác như sau: "...trừ trường hợp chứng cứ đó là những vật không thể di dời. Trường hợp không thể giao nộp chứng cứ vì trở ngại khách quan thì phải có lý do chính đáng". Và nên chăng cần có một điều luật quy định cụ thể về trách nhiệm của đương sự khi cố tình đưa ra chứng cứ giả, làm sai lệch chứng cứ...

Như vậy, sẽ hợp lý hơn khi khoản 1 điều này quy định về "nghĩa vụ và trách nhiệm" của đương sự khi giao nộp chứng cứ. Xin được đề xuất: "Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có yêu cầu hoặc phản đối yêu cầu thì có nghĩa vụ phải giao nộp chứng cứ, trừ trường hợp chứng cứ đó là vật không thể di dời và sẽ phải chịu trách nhiệm về những chứng cứ đã giao nộp. Nếu không thể giao nộp chứng cứ vì trở ngại khách quan thì phải có lý do chính đáng".

LỜI KẾT

Chỉ khi thực sự tôn trọng, thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác thu thập, xác minh, đánh giá chứng cứ từ khi điều tra, thì mới đảm bảo việc khởi tố, truy tố đúng và việc xét xử mới đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng vụ việc và đúng pháp luật ■

Nguyễn Văn Hoàng

Giáo viên bộ môn Pháp luật
Học viện CSND